

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-ST
Ngày 26- 4-2018
*V/v tranh chấp về
hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Phạm Thị Ninh;

+ Ông Trần Văn Tảo.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 352/2017/TLST-DS ngày 25/10/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXXST-DS ngày 06/4/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ 6, ấp T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Diệp Văn C, sinh năm 1987; cư trú tại: Số nhà 06, đường X, khu phố Y, phường Z, thành phố V, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 18/10/2017), “Có mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Lê Hoàng P, sinh năm 1984 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; cùng cư trú tại: ấp T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh, “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01/01/2016 chị Trần Thị L có cho chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hoàng P vay số tiền 5.120.000.000 (Năm tỷ, một trăm hai mươi triệu) đồng. Khi vay có làm giấy mượn tiền do chị H ghi và chị H ký tên, có thỏa thuận trong giấy lãi suất 2%/tháng và hẹn sau 05 tháng sẽ trả. Từ lúc vay cho đến nay chị H và anh P đã trả được 2.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả khoản tiền gốc nào. Do chị H và anh P cùng đi vay tiền nên chị L yêu cầu chị H và anh P có nghĩa vụ trả số tiền gốc 5.120.000.000 (Năm tỷ, một trăm hai mươi triệu) đồng và yêu cầu tính lãi 0,75% một tháng từ ngày 01/01/2016 cho đến ngày xét xử.

Tại biên bản tự khai ngày 30/01/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Do mối quan hệ bạn bè nên vào năm 2013 chị có vay của chị Trần Thị L số tiền 10.000.000 đồng. Khi vay không làm giấy tờ, lãi suất 1.500.000 đồng/ 1 tháng. Mục đích chị vay để trả tiền hụi do chị làm chủ hụi. Sau đó chị L tham gia chơi hụi của chị và đã hốt nhưng không đóng lại hụi chết mà để dần trừ liên lãi.

Tháng 8/2013 (không nhớ ngày), chị vay của chị L số tiền 30.000.000 đồng, khi vay không làm giấy tờ, lãi suất 4.500.000 đồng/tháng. Năm 2016 (không nhớ ngày, tháng), chị có vay chị L 100.000.000 đồng giúp cho bạn. Các lần vay không làm giấy tờ. Đến cuối năm 2016, chị vay tiếp số tiền 700.000.000 đồng, khi vay có làm một giấy nợ do chị ghi và chị ký tên do chị Liên giữ (vay dùm cho Đoàn Thị H1 không biết địa chỉ). Lãi suất 105.000.000 đồng/tháng. Tất cả các lần vay tiền trên chị đã trả tiền lãi rất nhiều nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc đã đóng lãi. Sau khi vay chị L đã cộng lãi vào gốc rồi yêu cầu chị ký giấy nợ. Tổng số tiền chị đã vay của chị L là 840.000.000 đồng. Đến ngày 12/3/2017, do bị chị L gây áp lực nên chị đã viết và ký giấy nợ 5.120.000 (năm tỷ, một trăm hai mươi triệu) đồng; các giấy nợ chị đều không giữ.

Do tổng nợ là 840.000.000 đồng nên chị H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi 5.120.000.000 đồng; chồng chị là anh P không biết gì nên không có trách nhiệm trả nợ với chị.

Đối với số tiền 700.000.000 đồng vay dùm chị Đoàn Thị H1, chị đã khởi kiện chị H1 nên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 26/01/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn là anh Lê Hoàng P trình bày:

Anh không biết gì về việc vay tiền giữa vợ anh là chị Nguyễn Thị H và chị Trần Thị L. Trong gia đình, chị H là người quản lý tiền bạc: hàng tháng anh đưa lương cho chị H chăm lo trong gia đình, con cái. Hiện tại anh và chị H đã ly thân. Anh không đồng ý trả nợ cho chị L.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hoàng P hoàn trả nợ gốc 5.120.000.000 đồng; về tiền lãi: số tiền 2.000.000 đồng chị H đã trả (mặc dù không làm giấy tờ) xem như là tiền lãi trong hạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 01/5/2016. Chị L yêu cầu tính lãi từ ngày 01/5/2016 đến ngày xét xử 26/4/2018, lãi suất 0,75%/ tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L (Thứ), buộc anh Lê Hoàng P và chị Nguyễn Thị H trả cho chị Trần Thị L số tiền 5.120.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hoàng P đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh P.

[2] Chứng cứ chị Trần Thị L cung cấp là bản gốc 01 giấy nợ đề ngày 01/01/2016 có chữ ký của chị Nguyễn Thị H được chị H thừa nhận tự viết và ký tên với tổng số nợ 5.120.000.000 đồng. Chị H cho rằng bị áp lực nên viết giấy nợ này nhưng ngoài lời trình bày này không còn chứng cứ nào khác chứng minh ý chí không tự nguyện của chị H nên căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết không phải chứng minh; số nợ theo giấy chị H tự ghi là 5.120.000.000 đồng.

[3] Về tiền lãi:

Chị L cho rằng lãi suất thỏa thuận khi cho chị H vay là 2%/tháng; chị H cho rằng tiền lãi là 1.500.000 đồng/ tháng đối với khoản vay 10.000.000 đồng (tương đương 1,5%/tháng). Do các bên tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được tính theo Điều 476 Bộ luật Dân sự là 0,75%/tháng, ghi nhận tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của chị L đồng ý tính lãi suất 0,75%/ tháng là phù hợp nên ghi nhận.

Thời hạn trả lãi: Ghi nhận chị L không tính lãi từ ngày 01/01/2016 đến 01/5/2016 do khấu trừ 2.000.000 đồng đã nhận từ chị H.

Chị L yêu cầu tính lãi từ ngày 01/5/2016 đến nay 26/4/2018, thời hạn là 11 tháng 26 ngày. Thành tiền lãi là $5.120.000.000 \times 0,75\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 455.680.000 \text{ đồng}$.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Anh Lê Hoàng P cho rằng khoản nợ do một mình chị Nguyễn Thị H trực tiếp giao dịch với chị Trần Thị L; anh không biết và liên quan gì đến việc vay tiền nên không đồng ý trả. Tuy nhiên, khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, do một mình chị H giao dịch nhưng chị H và anh P đều thừa nhận, chị H là người quản lý tiền bạc trong gia đình, anh P là giáo viên đi làm đưa lương về cho vợ để lo cho gia đình, con cái, phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình chung. Nên căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình buộc anh P có trách nhiệm liên đới cùng chị H hoàn trả nợ cho chị L.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị H và anh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Khóa IV).

Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hoàng P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị Trần Thị L số tiền nợ gốc 5.120.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 01/5/2016 đến ngày 26/4/2018 (lãi suất 0,75%/tháng) là 455.680.000đ; tổng cộng: 5.575.680.000 (năm tỷ, năm trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H và anh P không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hoàng P chịu 113.576.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 56.560.000 đồng theo biên lai thu số 0004674 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Chị Trần Thị L được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTr-NV-THA, Tòa án tỉnh TN;
- VKS cùng cấp, cấp trên;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.O.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh